

Nguyễn Duy Quý - nhà trí thức tiêu biểu của thời kỳ đổi mới

Đặng Cảnh Khanh¹

¹ Viện Nghiên cứu Truyền thống và Phát triển.
Email: anhad4@yahoo.com

Nhận ngày 20 tháng 7 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 8 năm 2020.

Tóm tắt: Nguyễn Duy Quý (sinh năm 1932), nguyên là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII và khóa VIII; đại biểu Quốc hội khóa IX và khóa X; nguyên là Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, sau đó là Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. Ông là người quản lý và phát triển khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam giai đoạn 1991-2003. Ông cũng từng đảm nhiệm trọng trách ở nhiều vị trí công tác khác nhau, như: Phó Chủ tịch Hội đồng Chính sách khoa học và công nghệ Quốc gia; Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương; Tổng thư ký Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh... [3].

Từ khóa: Khoa học xã hội và nhân văn, Nguyễn Duy Quý, phát triển, quản lý.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Nguyen Duy Quy (born 1932) is a former member of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam, the 7th and 8th tenures; National Assembly deputy of the 9th and 10th tenures; former head of the Vietnam Institute of Social Sciences, a title which was then changed into Director of the National Centre for Social Sciences and Humanities. He performed the management and development of social sciences and humanities in Vietnam in the period 1991-2003. Mr Quy also held various important positions such as Vice Chairman of National Science and Technology Policy Council, Vice Chairman of the Party's Central Theoretical Council, and General Secretary of the Central Council Directing the Compilation of National Coursebooks of Subjects of Marxist-Leninist Sciences and Ho Chi Minh Thought...

Keywords: Social sciences and humanities, Nguyen Duy Quy, development, management.

Subject classification: Philosophy

1. Đặt vấn đề

Thực tình tôi muốn viết về ông từ rất lâu rồi. Ở ông tôi tìm thấy một sự cảm giao đặc biệt, rất gần mà cũng rất xa. Ông đã có một tượng đài, có đầy đủ những gì mà một trí thức mong muốn có được. Một bằng thành tích thật đáng nể cả về nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo, hoạt động chính trị, hoạt động xã hội, hoạt động quản lý. Ông không thiếu những lời khen ngợi, của những lãnh tụ tầm cỡ, của đồng nghiệp trong và ngoài nước, của bằng hữu và học trò... Ngày sinh nhật ông, nhà chát đầy hoa tươi muôn màu muôn sắc. Viết về ông thực khó. Tôi không muốn lặp lại một cách khuôn sáo cái bằng ghi công “hoành tráng” trên. Tôi muốn tìm đến ông từ một cái gì đó dung dị hơn, bởi vượt lên trên tất cả, ông là một người có tài và nhân hậu, một trí thức khiêm nhường, ham hiểu biết và ưa thích sự đổi mới.

2. Nguyễn Duy Quý với *Nhận thức thế giới vi mô*

Tôi gặp ông lần đầu vào những ngày hết sức rét mướt của Mát-xcơ-va. Tuyệt phủ mệnh mông. Mới khoảng ba bốn giờ chiều, nhưng trời đã tối lắm rồi. Đi giữa những nhà khoa học lão thành của Việt Nam sang nghiên cứu để xây dựng cương lĩnh đổi mới và phát triển đất nước, trông ông nhanh nhẹn, trẻ trung, áo mặc phong phanh, khăn quàng bay lất phất.

Tôi hỏi vợ tôi, một nghiên cứu sinh ở Mát-xcơ-va lâu năm: “Ai đấy em”. Vợ tôi trả lời “Đấy là giáo sư Nguyễn Duy Quý” – “Trẻ thế mà đã là giáo sư à”. “Không những giáo sư mà còn có trong tay hai bằng, bằng

triết học và bằng vật lý” - vợ tôi nói thêm. Tôi ồ lên một tiếng.

Cái biểu tượng về “vật lý - triết học”, từ lâu đã gây ấn tượng mạnh và theo đuổi tôi mãi. Số là, tôi học khá nghiêm túc và bài bản về xã hội học nên luôn luôn bị ám ảnh về những gì giao kết sâu xa giữa khoa học tự nhiên với khoa học xã hội. Thầy giáo hướng dẫn của tôi, một giáo sư xã hội học - vật lý người Bun-ga-ri luôn nhắc nhở tôi: “Xã hội học là môn khoa học xã hội có phương pháp tiếp cận gần nhất với khoa học tự nhiên”. Cha đẻ, người sáng lập ra môn xã hội học - A. Comté cũng có thời đã đặt tên cho môn học của mình là “vật lý học xã hội” (social physics). Vậy thì, “vật lý - triết học” quả là tuyệt vời, một giao thoa khoa học thật hiện đại.

Tôi bắt đầu tìm kiếm - một cách thực sự khó khăn - những công trình nghiên cứu của nhà vật lý - triết học Nguyễn Duy Quý. Có lẽ vào những năm 1980, người ta lo nhiều về cơm áo gạo tiền chứ tìm sách về vật lý - triết học thì thật chẳng dễ chút nào. Cuối cùng, mãi gần đây, tôi cũng tìm thấy cuốn *Nhận thức thế giới vi mô* của ông. Chữ “nhận thức”, đọc lên thấy khiêm nhường làm sao. Giáo sư, viện sĩ, trình bày một vấn đề mà mình hiểu biết sâu sắc nhưng lại chỉ nói là mình đang “nhận thức” về vấn đề đó. Sách in đẹp, giản dị, không có lời giới thiệu chung của một nhà khoa học có tên tuổi nào.

Sách tìm lâu mới có, không thể đọc ngay được, phải đợi một chút yên tĩnh, một ngày nghỉ, đêm thật khuya - và lại cái chủ đề này, hấp dẫn thật đấy nhưng cũng chẳng dễ đọc chút nào. Tôi cuộn mình trong chăn, vào một đêm mùa đông rét mướt và bắt đầu mở trang đầu tiên: “Các nhà triết học đầu tiên của loài người cho rằng mặc dù mọi vật

đều được sinh ra, nhưng chúng không sinh ra từ hư vô mà sinh ra từ vật khác; mặc dù mọi vật đều phải biến mất, song chúng không biến thành hư vô mà biến thành vật thể khác"... "Các nhà khoa học cổ đại tin rằng không tồn tại một vật thể vĩnh cửu, mà chỉ tồn tại một cái gì đó làm cơ sở cho mọi vật trong thế giới". Sự mào đầu thật hoàn hảo cho một vấn đề quá trừu tượng. Tôi đọc, suốt một đêm và kéo dài cho đến hết ngày hôm sau, lấy bút dạ đánh dấu lung tung vào cuốn sách.

Từ lâu lắm rồi, ngay khi bắt đầu bị triết học và xã hội học làm mê hoặc, tôi cứ bị ám ảnh bởi một câu hỏi là, vì sao cứ vào mỗi giai đoạn mà khoa học tự nhiên, đặc biệt là toán học, vật lý học, sinh học... phát triển, đưa ra được những kiến thức mới, thì chúng lại làm khó cho triết học, khiến cho triết học trở nên khó ứng xử và đôi khi lúng túng như gà mắc tóc vậy. Cuốn *Nhận thức thế giới vi mô* đã phân tích, mổ xẻ chính câu hỏi này và nó đã làm thỏa mãn dường như tất cả những gì mà tôi chờ đợi.

Nguyễn Duy Quý, khi phân tích về các triết gia thời cận đại, đã cho rằng giữa nội dung khách quan của khoa học tự nhiên thời cận đại với các quan niệm siêu hình, máy móc thống trị trong thời đại đó đã có những mâu thuẫn lớn. Ông khẳng định: "Tiếc rằng các triết gia đương thời đã không phát hiện được những mâu thuẫn này. Và đó chính là lý do khiến ta có thể hiểu tại sao các nhà triết học cận đại không thể đặt cơ sở cho một thế giới quan mới đúng đắn, mặc dù trong tay họ đã có được những thành tựu vĩ đại của khoa học tự nhiên..." [1, tr.62]. Từ sự phát hiện này, lỗ hổng tư duy cố hữu của triết học liên quan đến tính tư biện của nó đã hiện ra, có nguyên nhân rõ ràng. Đó là, các "nhà thông

thái" triết học cần phải có rất nhiều và rất sâu sắc những kiến thức của khoa học tự nhiên. Thiếu những kiến thức này, họ bỗng nhiên không còn thông thái nữa và trên thực tế cũng không thể thông thái được.

Quan điểm này của Nguyễn Duy Quý có thể được quy chiếu vào xã hội hiện đại. Và điều này là do tôi tự suy luận ra khi đọc cuốn sách của ông: triết học của chúng ta ngày nay đang lặp lại những sai lầm mà triết học thời cận đại đã vấp phải. Nó cũng đang mất đi những sự "thông thái" của mình khi không theo kịp với sự tiến bộ như vũ bão của khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ đương đại. Trong khi chúng ta ngày càng đi sâu vào thực tiễn, khoa học ngày càng phân ngành cụ thể hơn, chúng ta lại càng cần đến những tiếp cận hệ thống của tư duy triết học. Nhưng triết học có thể làm được gì nếu nó vẫn cứ tiếp tục tư biện, khuôn cứng, nếu nó không thâm nhập vào những lãnh địa khoa học mới khác và vào chính thực tiễn.

Hơn bao giờ hết, ngày nay chúng ta cần biết bao những nhà triết học có hiểu biết sâu sắc về khoa học tự nhiên. Đây không phải là con đường nhằm tránh đi cái mà người ta vẫn lên tiếng gần đây về "sự chết của triết học" mà là cách thức để triết học lấy lại "sự thông thái" của mình, dẫn dắt nhân loại vượt qua những thách thức thực sự to lớn của thời đại.

Về phương diện này, Nguyễn Duy Quý chính là người đi tiên phong, một trường hợp độc nhất vô nhị trong triết học Việt Nam. Ban đầu, khi cầm cuốn sách của ông trên tay, tôi đã tự vấn mình rằng không hiểu sao ông triết học - vật lý này lại chọn cái chủ đề nghiên cứu oái oăm đến như vậy. Thiếu gì đất để trồng cây mà lại đem vác cây vào lật xới một mảnh đất đầy sỏi đá.

Thế giới vi mô đó là một trong những lĩnh vực khó giải thích nhất trong vật lý lý thuyết và cũng là phức tạp nhất, dễ gây tranh luận nhất trong tư duy triết học. Với vật lý học lý thuyết, thế giới vi mô là nơi người ta không thể dễ dàng đo lường được bằng kinh nghiệm, cảm tính và lại càng phức tạp hơn khi luận giải nó trong mối quan hệ giữa thực nghiệm khoa học và nhận thức lý luận. Với triết học, thế giới vi mô là chiến địa muôn thuở và gay gắt nhất giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm. Tuy nhiên, đọc xong cuốn sách của Nguyễn Duy Quý, tôi cũng ngộ ra được một điều là, nếu chúng ta giải quyết được tất cả những gì phức tạp nhất khi nhận thức thế giới vi mô thì chúng ta cũng có được những vốn liếng kiến thức cần thiết và cơ bản để đi vào những thế giới trừu tượng khác.

Nhận thức thế giới vi mô có thể được nhìn nhận như một công trình vật lý học. Nó trình bày một cách giản dị và dễ hiểu về một thế giới vi mô đầy phức tạp với những hạt và sóng, thời gian sống và vận tốc chuyển động của chúng..., những điều mà “các giác quan của con người không thể nhận biết được một cách trực tiếp” [1, tr.64]. Nhưng cuốn sách cũng không chỉ là một công trình vật lý học, vượt lên một công trình vật lý học bình thường, nó là triết học. Giá trị khoa học thực sự của nó chính là ở tính phương pháp luận. Điều này, nếu chỉ là một nhà vật lý thuần túy hoặc một nhà triết học thuần túy thì sẽ khó có thể thực hiện được.

Nguyễn Duy Quý bắt đầu cuốn sách từ những gì trừu tượng nhất của nhận thức luận triết học: nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính trong tư duy khoa học. Ở đây, ông phê phán cách nhìn nhận về nhận thức cảm tính với nhận thức lý tính một cách phiến diện khi đã coi chúng như hai trình

độ của nhận thức. Trong khi coi quan điểm này là một sự bất hợp lý, ông khẳng định: “Chúng tôi không coi cảm tính và lý tính là hai trình độ của nhận thức khoa học, mà là hai mặt xuyên suốt toàn bộ quá trình nhận thức khoa học”, “là hai mặt thâm thấu trong tất cả các hình thức và giai đoạn phát triển nhận thức” [1, tr.23].

Ở đây, quan điểm rất quan trọng được dùng làm cơ sở phương pháp luận cho quá trình nhận thức thế giới, trong đó có thế giới vi mô, đã được ông làm rõ. Đó là: “Hiển nhiên, trong quá trình nhận thức, cảm tính là nguồn gốc của tri thức con người và cảm tính xét đến cùng thì có trước lý tính, nhưng cảm tính và lý tính không tách rời nhau trong thời gian và là hai mặt của quá trình nhận thức thống nhất” [1, tr.24].

Từ quan điểm có tính phương pháp luận về nhận thức khoa học, Nguyễn Duy Quý chuyển sang phân tích mối quan hệ giữa nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận trong nghiên cứu khoa học. Trong khi cho rằng: “Trình độ kinh nghiệm của nhận thức có đặc điểm là liên hệ trực tiếp với hiện thực, còn trình độ lý luận là giai đoạn nhận thức gián tiếp”, ông cũng đã giải thích một cách rất rõ ràng quá trình nhận thức khoa học. Đó là: “Quá trình nhận thức khoa học vận động theo các hướng: phát hiện, tập hợp các sự kiện thực nghiệm, khái quát hoá và xây dựng lý thuyết mới. Đương nhiên là, bước chuyển từ tri thức kinh nghiệm lên tri thức lý luận là quá trình phức tạp. Lý thuyết khoa học không thể là hệ quả trực tiếp của các tài liệu kinh nghiệm. Không thể xây dựng lý thuyết khoa học trong các khoa học thực nghiệm nếu thiếu các hệ thống trừu tượng, trong đó bao chứa những khẳng định không trùng khớp với tài liệu kinh nghiệm” [1, tr.42].

Quan điểm nhận thức luận khoa học của Nguyễn Duy Quý về mối quan hệ giữa nhận thức thực nghiệm và nhận thức lý luận là khá hiện đại. Nó đề cao khả năng tư duy trừu tượng của con người trong nhận thức, đặc biệt là trong bối cảnh của sự phát triển nền kinh tế tri thức hiện nay. Nó cũng đã tiếp cận với những khía cạnh khá mới mẻ của quan điểm “tương tác biểu trưng” trong lý luận xã hội học hiện đại mà trong đó đề cao vai trò của những tương tác trong tư duy trừu tượng của các chủ thể trong quá trình sáng tạo, mà G. Mead là một đại diện tiêu biểu.

Trên cơ sở một bộ khung lý luận nhận thức khá mạch lạc của triết học như trên, Nguyễn Duy Quý bắt đầu dẫn người đọc vào không gian huyền bí, giống như một thứ ma thuật của thế giới vi mô. Nếu không được trang bị trước những kiến thức cơ bản của nhận thức luận triết học người ta rất dễ trở nên mù quáng, ngộ nhận, mộng du... trong cái thế giới huyền ảo, hư hư thực thực này.

Phải có những kiến thức vật lý uyên thâm lắm mới dám dấn thân vào cái thế giới này. Tôi ngạc nhiên khi thấy Nguyễn Duy Quý cứ dạo từng bước chậm rãi như một người khách du lịch trong thế giới vi mô. Ông quen thuộc nó, những thuộc tính của nó, giống như quen thuộc với ngôi vườn nhà mình, từng ngọn cỏ, gốc cây, cánh hoa, hạt sương. Những vấn đề cực kỳ phức tạp của nó, những đặc trưng về chất và về lượng của nó trong nhận thức được diễn giải một cách thật giản dị, dễ hiểu. Hoá ra vật lý học là thế sao. Nó cũng quá thi vị đấy chứ. Nhưng có lẽ không giống với những tứ thơ lãng mạn khác, cái thi vị của vật lý học chỉ có được duy nhất trên nền tảng của một sự uyên bác

Sau khi dạo qua khu vườn vi mô, Nguyễn Duy Quý quay trở lại một lần nữa, ở cấp độ cao hơn và sâu sắc hơn những vấn đề về phương pháp luận nhận thức khoa học. Ông dành hẳn một chương sách để phân tích về đặc điểm của tri thức lý luận về thế giới vi mô và sự phụ thuộc của nó vào cơ sở kinh nghiệm. Trong chương này, ông đã đưa ra một loạt những vấn đề có tính phương pháp luận về vai trò của mô hình, của phép loại suy, của các giả thuyết trong nhận thức thế giới vi mô. Cuối cùng ông hoàn thiện bộ khung phương pháp luận của mình bằng những tư duy rất đặc trưng của triết học, đó là phân tích phép biện chứng của nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận trong nghiên cứu về thế giới vi mô.

Khép lại cuốn *Nhận thức thế giới vi mô*, tôi cảm nhận được thực rõ ràng ý tưởng triết học của ông. Bằng việc trình bày những vấn đề phương pháp luận nhận thức thế giới vi mô, ông đã làm rõ hơn và sâu sắc hơn những vấn đề nhận thức luận của triết học duy vật biện chứng. Nhận thức thế giới vi mô, chúng ta cũng không chỉ “hiểu được những quy luật, những tính chất đặc trưng của thế giới này, mà hơn thế nữa, thông qua khám phá thế giới vi mô, con người còn có thể suy ra và hiểu được nhiều quá trình cũng như nhiều hiện tượng xảy ra trong thế giới vĩ mô và siêu vĩ mô” [1, tr.15].

Nhận thức thế giới vi mô theo tôi có thể được coi là một cuốn sách rất đáng được đọc và trân trọng trong tủ sách triết học vốn đã hiếm hoi lại trùng lặp và ít ỏi thông tin thời gian gần đây.

Với những thiện cảm có sẵn từ khi đọc *Nhận thức thế giới vi mô*, tôi lục tìm sách của ông trong thư viện và cố tìm một cuốn

sách khác, không phải vật lý, không phải triết học - cuốn *Nhận thức văn hoá Việt Nam*. Đây là văn hoá học - và cũng lại là khiêm nhường với hai chữ “nhận thức”.

3. Nguyễn Duy Quý với *Nhận thức văn hoá Việt Nam*

Văn hoá - ai cũng biết, đó là một không gian kiến thức vô bờ, vô bến. Người nghiên cứu văn hoá nhiều lúc dường như đối lập với sự đo đếm thông thường, những định lượng, định tính, những công thức cứng nhắc của toán học, vật lý. Trong văn hoá, người nghiên cứu, theo cách diễn đạt của nhà văn Nga, C. Pau-tốp-xki, cũng giống như một chú sâu cuốn chiếu có tới bốn mươi cái chân, nếu cứ tính đếm từng cái một thì sẽ không biết nên nhấc chân nào lên trong lúc đi. Người nghiên cứu văn hoá, bên cạnh sự tinh tường và chính xác của khoa học còn cần có một độ rung cảm, một bản năng cảm xúc trời phú cho mà không phải ai cũng có được.

Nguyễn Duy Quý hiểu điều đó. Trong *Nhận thức văn hoá Việt Nam*, ông tiếp cận văn hoá trước hết theo chiều không gian cộng cảm. Ông đi tìm những gì gần gũi với mình, đồng cảm với mình sau đó toả dần ra các chiều cạnh menh mông của tri thức và học vấn văn hoá, rồi cuối cùng kết lại bằng những vấn đề mang tính phương pháp luận.

Ở phần đầu cuốn sách khi viết về một số gương mặt tiêu biểu trong lịch sử và văn hoá Việt Nam, ông tìm cách đặt mình vào hoàn cảnh của các nhân vật này, cố gắng đi cùng họ một đoạn đường, cảm thông và chia sẻ cùng họ các sự kiện. Điều đó giúp ông lý giải được nhận thức và hành động của các nhân vật một cách sâu sắc. Trong

lớp sương mờ ảo và không kém thể giới vi mô về mặt huyền hoặc của không gian lịch sử, các gương mặt trí thức văn hoá, chính trị, xã hội đa dạng được ông miêu tả đã sáng dần lên, không chỉ xác thực về chân dung mà còn khá sắc nét. Bên cạnh những điều mà mọi người thường biết về họ, với việc chọn lọc và xử lý các nguồn tư liệu chặt chẽ, công phu, ông còn phát hiện ở họ những tính cách riêng. Ở Trần Hưng Đạo, ông không chỉ nói về một thiên tài quân sự, một chính khách bẩm sinh mà nhấn mạnh tới góc độ “một cây bút trước tác với bút lực hùng hậu, uyên bác khó có người sánh kịp...” [2, tr.23]. Ở các danh nhân văn hoá, ông không chỉ nhấn mạnh tới sự sáng tạo mà còn tìm thấy ở họ những sự tinh tế. Bút pháp của ông chân thực, giản dị, dí dỏm. Ông ít khi chê trách hoặc phê phán mà thường khéo léo bày tỏ sự cảm thông, chia sẻ với chính nhân vật của mình.

Phần thứ hai của cuốn sách - Sức mạnh của cội nguồn văn hoá - là sự tập hợp những quan điểm, những ý niệm riêng, rất Nguyễn Duy Quý, xung quanh những vấn đề cội nguồn văn hoá dân tộc, văn hoá và phát triển, con người trong sáng tạo và cảm thụ văn hoá... Nguyễn Duy Quý coi đây như là những viên gạch của riêng ông góp vào bức tường đồ sộ những công trình nghiên cứu về văn hoá hiện nay.

Điểm đáng chú ý của cuốn sách, đồng thời cũng là điểm mà có lẽ những người đọc như tôi tâm đắc nhất, là ở phần thứ ba “Văn hoá Việt Nam một góc nhìn”. Phần này Nguyễn Duy Quý viết gọn, sắc, đúng với phong cách sở trường của ông, phong cách vật lý - triết học. Ông trình bày lại một cách khái quát những nhận thức của mình về những vấn đề văn hoá học cơ bản,

về đặc trưng của văn hoá, con người Việt Nam. Ông cũng nhắc lại những điều kiện khách quan, chủ quan, địa lý xã hội đã làm nên những phẩm chất của con người và văn hoá Việt Nam, những nét độc đáo của riêng nó. Ông nhấn mạnh tới những đặc trưng của văn hoá làng, tính cộng đồng làng trong văn hoá Việt, phân tích những đặc trưng của văn hoá gia đình Việt truyền thống.

Từ những nghiên cứu về truyền thống văn hoá Việt Nam, đứng ở góc độ triết học, Nguyễn Duy Quý cố gắng phát hiện ra cái được coi là “đặc sắc và cốt lõi” của truyền thống này, mà ở đây, theo ông chính là “tính cộng đồng và tính nhân văn”. Ông viết: “Cái đặc sắc, cái cốt lõi của văn hoá Việt Nam là tính cộng đồng và tính nhân văn được thể hiện, được phát huy xuyên suốt chiều dài của lịch sử dân tộc” [2, tr.459].

Với ông, tính cộng đồng và tính nhân văn không chỉ là một đặc trưng văn hoá, mà còn là một nguồn lực, một sức mạnh vĩ đại làm nền tảng cho toàn bộ sức mạnh của văn hoá Việt Nam. “Hai sức mạnh này gắn bó hữu cơ với nhau từ đó làm nên những giá trị khác của nền văn hoá Việt Nam. Đó là tôn trọng đạo đức, cách sống và lối sống. Đó còn là tôn trọng học vấn và tài năng sáng tạo. Chính vì vậy mà lịch sử văn hoá Việt Nam đã có tổng kết rất đặc sắc: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu rồi xuống thấp”. Thiết nghĩ đây không chỉ là bài học của lịch sử đã qua mà còn là bài học quý giá của hôm nay và mai sau” [2, tr.23].

Trên cơ sở những tổng kết trên, Nguyễn Duy Quý trình bày những quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển nền văn hoá

Việt Nam, khái quát lại những vấn đề khoa học xã hội và nhân văn trong quá trình thực hiện đường lối nói trên. Sau cùng, với tư cách không chỉ của một nhà khoa học mà của một lãnh đạo Đảng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội, ông cũng nêu lên những nhiệm vụ cơ bản của khoa học xã hội trong quá trình phát triển văn hoá, thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. Chỉ trong vòng hơn hai mươi trang cuối cùng của cuốn sách, ông đã dồn toàn bộ kiến thức của mình, từ triết học, chính trị học, văn hoá học và những ý tưởng nảy sinh trong nhiều năm làm công tác quản lý, đề phác hoạ đường hướng, nhiệm vụ và những việc mà khoa học xã hội cần phải làm nhằm đáp ứng những nhu cầu của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đây là những quan điểm mang tính định hướng sâu sắc, rất đáng được các thế hệ quản lý khoa học xã hội sau này quan tâm.

Nguyễn Duy Quý đã đi qua hầu hết những biến động của cuộc sống gay cấn, khó khăn của những năm cách mạng và chiến tranh ở nửa sau thế kỷ XX. Bên cạnh một khối lượng lớn, hơn hai trăm công trình, bài viết được công bố trong và ngoài nước, trên năm mươi cuốn sách, sách cá nhân, sách chủ biên, sách tham gia chung, ở ngoài đời Nguyễn Duy Quý là một người sống nguyên tắc nhưng không cứng nhắc. Ông trung thực và nhân hậu, lấy sự trung thực và nhân hậu của mình để ứng xử với đời, với công việc, với đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới dù đôi khi cuộc đời không đáp trả cho ông bằng sự trung thực và nhân hậu ấy. Ông thích đùa, thích sự thâm thúy, hay cười nhưng không bao giờ cười quá to, dễ lây với cái vui của người khác. Mặc dù bề ngoài trông ông có vẻ dè dặt, kín đáo,

nhưng ông lại là người cởi mở, cả tin, sẵn sàng giúp người mà không đòi hỏi gì.

Ông yêu cuộc sống, xã hội và con người, yêu công việc. Công việc bủa vây lấy ông từng giờ, từng phút. Nghiên cứu, giảng dạy, hướng dẫn khoa học, hội họp, xử lý các công việc sự vụ, hành chính... công việc nào ông cũng làm cần mẫn, thận trọng, chu đáo. Và chính điều này đôi lúc khiến tôi lại cảm thấy có gì đó hơi tiếc cho ông và cả cho xã hội nữa, tiếc cho tâm sức và tài năng của ông phải đổ vào quá nhiều những việc dù là rất có ích nhưng lại không xứng với tài năng của ông. Giá như chúng ta có thể được đọc những gì tiếp theo, sau những gì của thế giới vi mô, những gì mà phương pháp luận nhận thức thế giới vi mô có thể soi rọi được vào nhận thức xã hội... những gì đó rất đặc trưng cho ông.

Nguyễn Duy Quý đã nghỉ hưu. Tôi gặp ông ngoài đường, đi bộ. Ông lẫn vào dòng người náo nhiệt, hối hả, bận bịu, nhọc nhằn của cuộc sống bình dân, không một chút khác biệt, đến hội nghị khoa học trang trọng bằng xe ô-mô nhân dân. Đã bớt đi những gì bủa quanh ông bằng giấy tờ hành chính, thủ tục trong một văn phòng ồn ào với đủ loại âm thanh, tiếng nói, bớt đi việc phải phân xử những kiện tụng thiệt hơn của một cơ quan có tới cả nghìn nhân viên. Đã đến lúc ông có thể dành cả tâm sức cho khoa học, cho những gì mà ông tâm huyết. Nhìn dáng vẻ thật thanh thản của ông, tôi hiểu rằng có lẽ những gì mà tôi chờ đợi, những người cảm tình với tư duy khoa học của ông chờ đợi, sẽ đến nhanh thôi.

4. Kết luận

Với những cống hiến cho khoa học trên nhiều lĩnh vực, ông đã được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; được Viện Hàn lâm khoa học Nga phong danh hiệu Viện sĩ, Viện Hàn lâm Trung Quốc phong Giáo sư danh dự.

Năm 2010, theo đề nghị của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, ông đã bàn giao phong tư liệu cá nhân của mình cho Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước. Khối tài liệu về cuộc đời, sự nghiệp hoạt động khoa học của ông bao gồm hơn 2.000 hồ sơ với hơn 200 công trình nghiên cứu, tài liệu giá trị của ông trên nhiều cương vị lãnh đạo, trong đó có hồ sơ bản quyền các kết quả nghiên cứu khoa học về “Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” [3].

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Duy Quý (1999), *Nhận thức thế giới vi mô*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Duy Quý (2008), *Nhận thức văn hoá Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] <http://tuyengiao.vn/nhip-cau-tuyen-giao/ban-tuyen-giao-tw/dong-chi-bui-truong-giang-tham-chuc-suc-khoe-giao-su-vien-si-nguyen-duy-quy-121370>, truy cập ngày 28/6/2020.